



**PHỤ LỤC CÔNG NHẬN**  
**ACCREDITATION SCHEDULE**

(Kèm theo quyết định số: /QĐ-VPCNCLQG ngày tháng năm 2026  
của Giám đốc Văn phòng Công nhận chất lượng quốc gia)

**TÊN TỔ CHỨC CHỨNG NHẬN/Organisation**

Tiếng Việt/ in Vietnamese: TRUNG TÂM CHỨNG NHẬN PHÚC GIA  
CÔNG TY CỔ PHẦN PHÒNG THỬ NGHIỆM PHÚC GIA  
Tiếng Anh/ in English: PHUC GIA CERTIFICATION CENTER  
PHUC GIA LABORATORY CORPORATION

**SỐ HIỆU CÔNG NHẬN/ Accreditation Number: VICAS 123 - PRO**

**ĐỊA CHỈ ĐƯỢC CÔNG NHẬN/Location Covered by Accreditation**

Địa chỉ đăng ký kinh doanh/Registered business address

Tòa nhà Hoa Cương, số 18 ngõ 11 phố Thái Hà, phường Đống Đa, Thành phố Hà Nội,  
Việt Nam

*Hoa Cuong Building, No. 18, Lane 11, Thai Ha Street, Dong Da Ward, Hanoi City, Vietnam*

Trụ sở chính/Head office:

Số 1 Huỳnh Tấn Phát, phường Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

*No. 1 Huynh Tan Phat, Long Bien Ward, Hanoi City, Vietnam*

Tel.: 0982 996 696

Email: cert@phucgia.com.vn

Website: phucgia.com.vn

**CHUẨN MỰC CÔNG NHẬN/Accreditation Standards**

ISO/IEC 17065:2012: Đánh giá sự phù hợp – Yêu cầu đối với tổ chức chứng nhận sản phẩm,  
quá trình, dịch vụ/Conformity assessment – Requirements for bodies certifying products,  
processes and services.

**HIỆU LỰC CÔNG NHẬN/Accreditation period**

Từ/ from / /2026 đến/ to / /2031



**PHỤ LỤC CÔNG NHẬN**  
**ACCREDITATION SCHEDULE**

**PHẠM VI ĐƯỢC CÔNG NHẬN/ Scope of Accreditation**

Chứng nhận sản phẩm cho các phạm vi sau/Product certification for the following scopes:

STT No.	Tên sản phẩm Name of product	Chuẩn mực chứng nhận Certification criteria	Thủ tục chứng nhận Certification procedure	Phương thức chứng nhận Type of certification scheme
1	Thiết bị chiếu sáng bằng công nghệ LED <i>LED lighting equipments</i>	QCVN 19:2019/BKHCN; QCVN 19:2025/BKHCN	PGL-TT21 PGL-QD08	1
2	Đèn điện <i>Luminaires</i>	TCVN 7722-1:2017 (IEC 60598-1:2014); TCVN 7722 (IEC 60598) Phần 2-1 đến Phần 2-5 và Phần 2-12; IEC 60598-1:2020; IEC 60598-2-1:2020; IEC 60598-2-2:2023; IEC 60598-2-4:2017	PGL-TT21 PGL-QD06	1
3	Bóng đèn có balát lắp liền <i>Self-ballasted LED-lamps</i>	TCVN 8782:2017 (IEC 62560:2015)	PGL-TT21 PGL-QD06	1
4	Bóng đèn LED hai đầu được thiết kế để thay thế bóng đèn huỳnh quang ống thẳng <i>Double-capped LED-lamps designed to retrofit linear fluorescent lamps</i>	TCVN 11846:2017 (IEC 62776:2014)	PGL-TT21 PGL-QD06	1
5	Thiết bị chiếu sáng và thiết bị điện tương tự <i>Electrical lighting and similar equipment</i>	TCVN 7186:2018 (CISPR 15:2018)	PGL-TT21 PGL-QD06	1
6	Thiết bị dùng cho mục đích chiếu sáng chung <i>Equipment for general lighting purposes</i>	TCVN 12679:2019 (IEC 61547:2009); IEC 61547:2020	PGL-TT21 PGL-QD06	1



**PHỤ LỤC CÔNG NHẬN**  
**ACCREDITATION SCHEDULE**

<b>STT No.</b>	<b>Tên sản phẩm Name of product</b>	<b>Chuẩn mực chứng nhận Certification criteria</b>	<b>Thủ tục chứng nhận Certification procedure</b>	<b>Phương thức chứng nhận Type of certification scheme</b>
7	Bóng đèn và hệ thống bóng đèn <i>Lamps and lamp systems</i>	TCVN 13079-1:2020 (IEC 62471:2006); TCVN 13080:2020 (IEC/TR 62778:2014); IEC 61547:2020	PGL-TT21 PGL-QD06	1
8	Thiết bị điện và điện tử gia dụng và các mục đích tương tự <i>Household and similar electrical and electronic equipment</i>	QCVN 9:2012/KHCN và Sửa đổi 1:2018 QCVN 9:2012/BKHCN; TCVN 7492-1:2018 (CISPR 14-1:2016); CISPR 14-1:2020; TCVN 7186:2018 (CISPR 15:2018); TCVN 6988:2018 (CISPR 11:2016); CISPR 11-1:2024	PGL-TT21 PGL-QD07	1
9	Thiết bị điện có điện áp danh định không vượt quá 72.5 kV <i>Electrical equipment with a rated voltage not exceeding 72.5 kV</i>	TCVN 14227:2025 (IEC 62262:2021); TCVN 4255:2025 (IEC 60529:2013)	PGL-TT21 PGL-QD06	1
10	Thiết bị điện dùng cho lắp đặt điện trong gia đình và hệ thống lắp đặt tương tự <i>Electrical equipment for household electrical installations and similar electrical systems</i>	QCVN 25:2025/BKHCN	PGL-TT21 PGL-QD09	1
11	Ổ cắm điện dùng trong gia đình <i>Household electrical outlets</i>	TCVN 6188-1:2007 (IEC 60884-1:2002); TCVN 6188-2-3:2016 (IEC 60884-2-3:2006); TCVN 6188-2-6:2016	PGL-TT21 PGL-QD06	1



**PHỤ LỤC CÔNG NHẬN**  
**ACCREDITATION SCHEDULE**

		(IEC 60884-2-6:1997)		
12	Phích cắm điện dùng trong gia đình <i>Household electrical plug</i>	TCVN 6188-1:2007 (IEC 60884-1:2002); TCVN 6188-2-1:2008 (IEC 60884-2-1:2006)	PGL-TT21 PGL-QD06	1
13	Bộ chuyển đổi ổ cắm dùng trong gia đình <i>Household electrical outlet adapter</i>	TCVN 6188-1:2007 (IEC 60884-1:2002); TCVN 6188-2-5:2016 (IEC 60884-2-5:1995)	PGL-TT21 PGL-QD06	1
14	Bộ dây nguồn nối dài dùng trong gia đình <i>Household power extension cord</i>	TCVN 6188-1:2007 (IEC 60884-1:2002); TCVN 6188-2-7:2016 (IEC 60884-2-7:2013)	PGL-TT21 PGL-QD06	1
15	Công tắc điện dùng trong gia đình <i>Household electrical switches</i>	TCVN 6480-1:2008 (IEC 60669-1:2007)	PGL-TT21 PGL-QD06	1
16	Thiết bị điện và điện tử <i>Electrical and electronic</i>	QCVN 4:2009/BKHCN Sửa đổi 1:2016 QCVN 4:2009/BKHCN	PGL-TT21 PGL-QD05	5,7
17	Bình đun nước nóng nhanh <i>Instantaneous water heater</i>	TCVN 5699-2-35:2013 (IEC 60335-2-35:2012)	PGL-TT21 PGL-QD06	5, 7
18	Bình đun nước nóng có dự trữ <i>Storage water heater</i>	TCVN 5699-2-21:2013 (IEC 60335-2-21:2012)	PGL-TT21 PGL-QD06	5, 7
19	Thiết bị dùng để chăm sóc da hoặc tóc <i>Appliances for skin or hair care</i>	TCVN 5699-2-23:2013 (IEC 60335-2-23:2012)	PGL-TT21 PGL-QD06	5, 7
20	Thiết bị đun chất lỏng <i>Appliances for heating liquids</i>	TCVN 5699-2-15:2013 (IEC 60335-2-15:2012)	PGL-TT21 PGL-QD06	5, 7
21	Quạt điện <i>Electric fans</i>	TCVN 5699-2-80:2007 (IEC 60335-2-80:2005)	PGL-TT21 PGL-QD06	5, 7
22	Bàn là điện <i>Electric irons</i>	TCVN 5699-2-3:2010 (IEC 60335-2-3:2008)	PGL-TT21 PGL-QD06	5, 7



**PHỤ LỤC CÔNG NHẬN**  
**ACCREDITATION SCHEDULE**

23	Lò vi sóng (bao gồm cả lò vi sóng kết hợp) <i>Microwave ovens, including combination microwave ovens</i>	TCVN 5699-2-25:2007 (IEC 60335-2-25:2005)	PGL-TT21 PGL-QD06	5, 7
24	Vi nướng, máy nướng bánh mỳ và các thiết bị nấu di động tương tự <i>Grills, toasters and similar portable cooking appliances</i>	TCVN 5699-2-9:2017 (IEC 60335-2-9:2016)	PGL-TT21 PGL-QD06	5, 7
25	Dây và cáp điện <i>Wires and cable</i>	TCVN 6610-1-2014 (IEC 60227-1:2007); TCVN 6610-3-2000 (IEC 60227-3:1997); TCVN 6610-4-2000 (IEC 60227-4:1992); TCVN 6610-5-2014 (IEC 60227-1:2007)	PGL-TT21 PGL-QD06	5, 7
26	Que đun điện <i>Portable immersion heaters</i>	TCVN 5699-2-74:2010 (IEC 60335-2-74:2009)	PGL-TT21 PGL-QD06	5, 7
27	Thiết bị phát, thu-phát sóng vô tuyến điện <i>Radio frequency transmitters, transceivers used in land fixed or mobile communications systems</i>	QCVN 47:2015/BTTTT; QCVN 117:2020/BTTTT; QCVN 122:2020/BTTTT; QCVN 127:2021/BTTTT; QCVN 129:2021/BTTTT; QCVN 18:2022/BTTTT; QCVN 86:2019/BTTTT; QCVN 86:2025/BKHCN; QCVN 101:2020/BTTTT; QCVN 103:2016/BTTTT; QCVN 113:2017/BTTTT; QCVN 132:2022/BTTTT; QCVN 134:2024/BTTTT	PGL-TT21 PGL-QD06	1, 5, 7



**PHỤ LỤC CÔNG NHẬN**  
**ACCREDITATION SCHEDULE**

28	Thiết bị Ra đa <i>Radar Equipment</i>	QCVN 47:2015/BTTTT; QCVN 18:2022/BTTTT	PGL-TT21 PGL-QD06	1, 5, 7
29	Thiết bị phát, thu - phát vô tuyến cự ly ngắn <i>Short-range radio transmitter and receiver</i>	QCVN 47:2015/BTTTT; QCVN 54:2020/BTTTT; QCVN 55:2023/BTTTT; QCVN 65:2021/BTTTT; QCVN 91:2015/BTTTT; QCVN 73:2013/BTTTT; QCVN 74:2020/BTTTT; QCVN 18:2022/BTTTT; QCVN 94:2015/BTTTT; QCVN 96:2015/BTTTT; QCVN 112:2017/BTTTT; QCVN 113:2017/BTTTT; QCVN 136:2025/BKHCN	PGL-TT21 PGL-QD06	1, 5, 7
30	Thiết bị công nghệ thông tin <i>Information Technology Equipment</i>	QCVN 118:2018/BTTTT; QCVN 101:2020/BTTTT; QCVN 132: 2022/BTTTT	PGL-TT21 PGL-QD06	1, 5, 7
31	Thiết bị phát thanh, truyền hình <i>Radio &amp; TV Equipments</i>	QCVN 118:2018/BTTTT; QCVN 132:2022/BTTTT	PGL-TT21 PGL-QD06	1, 5, 7
32	Thiết bị camera giám sát sử dụng giao thức Internet <i>Surveillance Camera using Internet Protocol</i>	QCVN 135:2024/BTTTT; ETSI EN 303 645; ETSI TS 103 701	PGL-TT21 PGL-QD10	1, 5, 7

Ghi chú/ Note: Trung tâm Chứng nhận Phúc Gia - Công ty Cổ phần Phòng Thử nghiệm Phúc Gia phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này/ *Phuc Gia Certification Center - Phuc Gia Laboratory Corporation must register its operations and obtain the registration certificate according to the law before providing certification services.*